

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1898/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Cục Quản lý Thi hành án dân sự**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Quản lý Thi hành án dân sự là đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý nhà nước và tổ chức thi hành pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, thừa phát lại theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ.

2. Cục Quản lý Thi hành án dân sự (sau đây gọi là Cục) có tư cách pháp nhân, có con dấu có hình Quốc huy, tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước theo quy định pháp luật, có trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng, trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch, đề án, chính sách, chương trình, kế hoạch, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác có liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cục để ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành; tham gia xây dựng, thẩm định, góp ý các dự án, dự thảo văn bản theo phân công của Lãnh đạo Bộ hoặc theo yêu cầu của các đơn vị thuộc Bộ, đơn vị thuộc các Bộ, ngành khác có liên quan; rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ.

2. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án và các văn bản khác đã được phê duyệt trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định pháp luật; theo dõi việc thi hành pháp luật, chủ trương, chính sách và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục.

3. Tổ chức thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý của Cục theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ.

4. Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền quy trình, biểu mẫu, phôi thẻ, tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức, chế độ báo cáo, thống kê, chuẩn mực, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục.

5. Về công tác thi hành án dân sự

a) Ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về thi hành án dân sự đối với Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố và Văn phòng Thừa phát lại;

b) Thực hiện quy định về bồi thường nhà nước, bảo đảm tài chính trong thi hành án dân sự theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ;

c) Theo dõi việc thực hiện kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự. Trả lời kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định.

6. Về chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính

a) Tham mưu, giúp Bộ trưởng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và quản lý nhà nước về thi hành án hành chính;

b) Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính;

c) Tham mưu, giúp Bộ trưởng kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xử lý trách nhiệm đối với người phải thi hành án là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có vi phạm trong việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và việc thi hành án hành chính;

d) Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố thực hiện theo dõi thi hành án hành chính theo quy định pháp luật.

7. Tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa phát lại theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ.

8. Thực hiện kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ.

9. Giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính hàng năm và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện đối với Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

10. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; đào tạo, bồi dưỡng công chức; công tác thi đua - khen thưởng theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ.

11. Quản lý và tổ chức triển khai các nhiệm vụ về quản lý tài chính, kế toán, tài sản công và đầu tư công; quản lý, điều hòa khoản phí thi hành án theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ.

12. Thực hiện sơ kết, tổng kết, báo cáo, thống kê; truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; tổng hợp, hành chính; cải cách hành chính, cải cách tư pháp; văn thư, lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; các nhiệm vụ khác trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định pháp luật, phân cấp của Bộ và thực hiện nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Cục Quản lý Thi hành án dân sự được tổ chức từ Trung ương đến địa phương, trong đó:

a) Tổ chức thuộc Cục tại Trung ương, gồm:

- Ban Pháp chế và Nghiệp vụ thi hành án dân sự;
- Ban Nghiệp vụ thi hành án hành chính và Thừa phát lại;
- Ban Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- Ban Chuyển đổi số và thống kê dữ liệu thi hành án;
- Ban Kế hoạch - Tài chính;
- Ban Tổ chức cán bộ;
- Văn phòng.

b) Tổ chức thuộc Cục tại địa phương, gồm:

34 Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, gồm có 355 Phòng Thi hành án dân sự khu vực, các phòng và tương đương khác theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu có hình Quốc huy, có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại theo quy định pháp luật.

2. Lãnh đạo Cục và Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố

a) Lãnh đạo Cục:

- Cục trưởng;

- Phó Cục trưởng. Số lượng Phó Cục trưởng thực hiện theo quy định pháp luật và của Bộ.

Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Cục.

Các Phó Cục trưởng giúp Cục trưởng quản lý, điều hành hoạt động của Cục; được Cục trưởng phân công trực tiếp quản lý, chỉ đạo một số địa bàn, lĩnh vực, nhiệm vụ công tác; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về những lĩnh vực, địa bàn công tác được phân công.

b) Lãnh đạo Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố

- Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố;

- Phó Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố. Số lượng Phó Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố thực hiện theo quy định pháp luật và của Bộ.

Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

Các Phó Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trước Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

3. Việc thành lập, tổ chức lại các tổ chức thuộc Cục do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định trên cơ sở đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các tổ chức thuộc Cục ở Trung ương.

4. Biên chế công chức của Cục thuộc biên chế công chức của Bộ Tư pháp, do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định phân bổ trên cơ sở đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

Điều 4. Trách nhiệm và mối quan hệ công tác

1. Trách nhiệm và mối quan hệ công tác giữa Cục với Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện theo Quy chế làm việc của Bộ và các quy định có liên quan.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 2 Quyết định này, nếu có vấn đề liên quan đến các đơn vị khác thuộc Bộ thì Cục có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị đó để giải quyết.

Trường hợp vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc có ý kiến khác nhau giữa Cục với các đơn vị có liên quan thì Cục trưởng có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách theo quy định.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cục Quản lý Thi hành án dân sự tiếp nhận và tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Tổng cục Thi hành án dân sự đang được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành đến khi có văn bản thay thế theo quy định.

2. Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố tiếp nhận và tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan Thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh, thành phố trước khi sắp xếp đang được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành đến khi có văn bản thay thế theo quy định.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tổng cục Thi hành án dân sự tiếp tục hoạt động cho đến khi Cục Quản lý Thi hành án dân sự chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

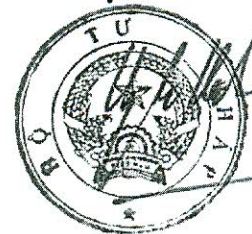
Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết để Cục Quản lý Thi hành án dân sự chính thức đi vào hoạt động.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025), Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Đảng ủy Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Cục THADS các tỉnh, thành phố;
- Công Thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Công Thông tin điện tử Tổng cục THADS (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCCB, THADS.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Hải Ninh